

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/DS-ST

Ngày 30-6-2026

“V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Khoa, bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2026/QĐST-DS ngày 12/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Quang T, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Số A khu phố E (phường H cũ), phường L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn N, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Ông N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn I, xã E, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là Thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

-Người làm chứng: Ông Phan Văn K. Nơi cư trú: Số H, Phạm Hồng T1, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Ông K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Quang T, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phan Văn N trình bày:**

Năm 2015 ông Đ còn nợ ông Hoàng Quang T số tiền 2.585.000.000đồng (nợ gốc), thời hạn trả nợ 05 năm. Năm 2020, do ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện ông Đ. Tại Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương

sự số 70/2020/QĐST-DS ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, các bên thỏa thuận ông Đ có trách nhiệm trả cho ông T, bà H tổng số tiền 2.705.000.000đồng, trong đó nợ gốc 2.585.000.000đồng và tiền lãi 120.000.000đồng.

Quá trình thi hành án, ngày 19/11/2020, ông Đ đã trả cho ông T 543.000.000đồng, số tiền còn lại 2.162.000.000đồng ông Đ đã viết giấy nhận nợ cùng ngày 19/11/2020 hẹn sau hai năm sẽ trả cho ông T, không tính lãi suất. Ông Đ đã viết đơn rút yêu cầu thi hành án. Thi hành án dân sự huyện E đã ra quyết định đình chỉ thi hành án đối với khoản tiền theo Quyết định số 70/2020/QĐST-DS ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

Từ khi hẹn trả số tiền trên cho đến nay, ông Đ chưa trả cho ông T khoản tiền nào. Vì vậy ông T yêu cầu giải quyết buộc ông Đ phải trả tổng số tiền 2.232.000.000đồng, trong đó 2.162.000.000đồng nợ gốc và 70.000.000đồng tiền lãi tính từ ngày 20/11/2022.

* Bị đơn ông Nguyễn Tiến Đ đã được Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng, nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn cũng không tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Người làm chứng ông Phan Văn K trình bày: Ông K được ông T uỷ quyền để yêu cầu thi hành án theo Quyết định của Tòa án buộc ông Đ phải trả số tiền 2.705.000.000đồng. Ngày 19/11/2020 ông Đ đã trả cho ông T 543.000.000đồng, số tiền còn lại ông Đ đã nhận nợ theo Giấy nhận nợ ngày 19/11/2020. Việc ông Đ viết giấy nhận nợ ông K chứng kiến và nhận giấy này để giao lại cho ông T.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:***

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 2.232.000.000 đồng. Trong đó 2.162.000.000 đồng nợ gốc và 70.000.000 đồng tiền lãi.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả tiền vay. Bị đơn có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không có người đại diện theo ủy quyền, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp làm căn cứ yêu cầu khởi kiện là Giấy nhận nợ ngày 19/11/2020.

Bị đơn ông Đ vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết theo quy định pháp luật và đã có kết luận giám định số 718/KL-KTHS ngày 14/4/2026 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ, kết luận: Chữ ký và chữ viết ghi họ tên Nguyễn Tiến Đ dưới mục “Người nhận nợ” trên tài liệu cần giám định là Giấy nhận nợ ngày 19/11/2020 so sánh với chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Tiến Đ trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Căn cứ tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp và lời khai của người làm chứng xác định được như sau:

Nguồn gốc số tiền vay theo Giấy nhận nợ ngày 19/11/2020, xuất phát từ khoản tiền vay mà nguyên đơn và bị đơn chốt lại vào năm 2015, theo đó bị đơn nợ nguyên đơn 2.585.000.000 đồng tiền nợ gốc, thời hạn trả nợ 5 năm. Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 70/2020/QĐST-DS ngày 27/8/2020, nội dung thỏa thuận, ông Đ có trách nhiệm trả cho ông T, bà H tổng số tiền 2.705.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 2.585.000.000 đồng và tiền lãi 120.000.000 đồng. Ngày 19/11/2020, bị đơn đã trả 543.000.000 đồng, số tiền còn lại bị đơn đã viết giấy nhận nợ có nội dung: “*nay còn nợ lại chủ T số tiền 2.162.000.000đ không lãi suất. Tôi hẹn sau hai năm tôi sẽ trả số tiền trên cho chủ T*”. Thi hành án dân sự huyện E đã ra quyết định đình chỉ thi hành án số 10/QĐ-CCTHADS ngày

02/11/2020 đối với khoản tiền phải thi hành theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 70/2020/QĐST-DS ngày 27/8/2020.

Đã quá thời hạn cam kết trả nợ mà bị đơn không thực hiện việc trả tiền nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466, 469 BLDS, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, HĐXX cần chấp nhận, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền còn nợ ông Hoàng Quang T 2.162.000.000đồng theo Giấy nhận nợ ngày 19/11/2020.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Đ phải trả tiền lãi do chậm trả tính từ ngày 20/11/2020 đến nay là 70.000.000đồng.

Xét giấy nhận nợ ngày 19/11/2020 không thoả thuận lãi suất, thời hạn trả 02 năm (tương ứng ngày 19/11/2022). Bị đơn không trả nợ đúng hạn thì phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả (từ ngày 19/11/2022 đến nay là 03 năm 07 tháng) theo khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Việc nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả tiền lãi thấp hơn mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự là tự nguyện, là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy, bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 2.232.000.000đồng (trong đó 2.162.000.000đồng nợ gốc và 70.000.000đồng tiền lãi).

[2.3] Về chi phí tố tụng trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết: Quá trình giải quyết vụ án, chi phí cho việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết là 5.850.000đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi trả xong. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chi phí trưng cầu giám định 5.850.000đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn $72.000.000\text{đồng} + (232.000.000\text{đồng} \times 2\%) = 76.640.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463 và khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Quang T, buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến Đ phải trả cho ông T 2.232.000.000đồng (*Hai tỷ, hai*

trăm ba mươi hai triệu đồng) theo giấy nhận nợ ngày 19/11/2020. Trong đó: Nợ gốc 2.162.000.000đồng và tiền lãi 70.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tiến Đ phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Hoàng Quang T 5.850.000đồng (Năm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết.

3. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Tiến Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 76.640.000đồng (Bảy mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng)

4. Thông báo quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV7;
- Phòng THADS KV7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hải